TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng

Bà Phùng Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2024, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 827/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Sỹ T, nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt;

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Vân N, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Sỹ T trình bày: Anh và chị Đỗ Thị Vân N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tháng 02 năm 2024 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Cường, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Cưới nhau được khoảng 01 tuần, anh và chị N lên thành phố Hải Dương làm ăn, sinh sống. Được mấy ngày thì chị N không chịu làm ở công ty, tự bỏ về nhà mẹ đẻ. Anh bảo chị N ở lại nhưng chị N vẫn về. Anh gọi điện, nhắn tin nhưng chị N không trả lời. Vì anh không sai nên anh không sang nhà N để tìm chị N về chung sống. Anh Thấy tính tình giữa anh và chị N không hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm cũng không còn, tình

trạng hôn nhân căng thẳng, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị N. Anh và chị N không có con chung. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N trình bày: Chị và anh T kết hôn tháng 02 năm 2024. Vợ chồng chỉ chung sống với nhau được khoảng 21 ngày. Do bị chị anh T xúc phạm nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vì anh T nghe lời chị ruột của mình nên khi bỏ về chị không nói cho anh T biết. Anh T có gọi điện cho chị nhưng chị không nghe máy. Sau đó, anh T không sang tìm chị về chung sống. Từ đó đến nay, chị và anh T không liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Chị không đồng ý ly hôn anh T. Đến nay, chị và anh T chưa có con chung. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Anh T và chị N kết hôn từ tháng 02-2024 nhưng chỉ chung sống với nhau được khoảng gần 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 03-2024 đến nay, anh T và chị N sống ly thân; anh T vẫn sống tại Hải Dương còn chị N về sinh sống cùng bố, mẹ chị N tại Hải Phòng; hai bên không còn liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau. Đến nay, anh T và chị N chưa có con chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị N. Anh T và chị N không có con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn là chị Đỗ Thị Vân N, cư trú tại Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Anh Lê Sỹ T và chị N tự nguyện kết hôn, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Cường, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương năm 2024, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 15-02-2024 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T và chị N chỉ chung sống được gần 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Từ khoảng tháng 3-2024 đến nay, anh T và chị N sống ly thân, mỗi người một nơi, không liên lạc và quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm vợ chồng với nhau. Như vậy, anh T và chị N đã không còn tình cảm với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T và chị N không có con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 , Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Lê Sỹ T được ly hôn chị Đỗ Thị Vân N.

2. Về án phí: Anh Lê Sỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0007438 ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; anh Lê Sỹ T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Sỹ T và chị Đỗ Thị Vân N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã Thanh Cường, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Đạt